

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong
lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính Phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính Phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 552 /TTr-STNMT ngày 08 / 6 /2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 09 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa (có Danh mục kèm theo)¹.

¹ Tra cứu nội dung thủ tục hành chính tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthe-thu-tuc-hanh-chinh.htm>

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THANH HÓA**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Sửa đổi 09 thủ tục hành chính cấp tỉnh trong lĩnh vực Tài nguyên nước tại Quyết định số 1506/QĐ-UBND ngày 08/5/2023; Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 24/5/2023; Quyết định số 3463/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hoá.

| T T | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC trên cơ sở dữ liệu Quốc gia) | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Nội dung sửa đổi |
|----------------|--|---|---|--|---|--|
| I | Lĩnh vực Tài nguyên nước | | | | | |
| 1 | Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm (1.004232.000.00. 00.H56) | 30 ngày làm việc đối với hồ sơ hợp lệ, cụ thể: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo: Trong thời | Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trà kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, | Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất: - Đề án, báo cáo thiết kế giếng có lưu lượng dưới 200 m ³ /ngày đêm: 300.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 200 đến dưới 500 m ³ /ngày | - Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012. - Nghị định số 02/2023/NĐ- CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. - Nghị định số 60/2016/NĐ- CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một | - Căn cứ pháp lý; - Yêu cầu điều kiện |

| | | | | | | |
|--|--|--|---|--|---|--|
| | | <p>hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo.</p> <p>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.</p> | <p>thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.</p> <p>- Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.ng.thanhhoa.gov.vn (một phần)</p> | <p>đêm: 800.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 500 đến dưới 1000 m³/ngày đêm: 2.000.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 1000 đến dưới 3000 m³/ngày đêm: 3.500.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến được giảm 30% mức thu phí quy định từ khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.</p> | <p>số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị quyết 289/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân.</p> | |
|--|--|--|---|--|---|--|

| | | | | | | |
|---|--|---|---|---|---|--|
| | | | | | | |
| 2 | <p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm. (1.004228.000.00.00.H56)</p> | <p>25 ngày làm việc đối với hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo: trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo, nếu cần thiết kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định đề án, báo cáo. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời | <p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.</p> <p>- Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (một phần)</p> | <p>Phí thẩm định: Mức thu phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh bằng 50% mức cấp mới, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề án, báo cáo thiết kế giếng thăm dò có lưu lượng dưới 200 m³/ngày đêm: 150.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 200 đến dưới 500 m³/ngày đêm: 400.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 500 đến dưới 1000 m³/ngày đêm: 1.000.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 1000 đến dưới 3000 m³/ngày đêm: | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012. - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm | <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ pháp lý; - Yêu cầu điều kiện |

| | | | | | | |
|---|--|--|---|---|--|---|
| | | <p>gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.</p> | | <p>1.750.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được giảm 30% mức thu phí quy định từ khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.</p> | <p>2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị quyết 289/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh.</p> | |
| 3 | <p>Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm. (1.004223.000.00.00.H56)</p> | <p>30 ngày làm việc đối với hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo: Trong thời hạn 30 ngày làm việc,</p> | <p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường</p> | <p>Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất:</p> <p>- Đề án, báo cáo thiết kế giếng có lưu lượng dưới 200 m³/ngày đêm: 300.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 200 đến dưới 500 m³/ngày đêm: 800.000 đồng/báo</p> | <p>- Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một</p> | <p>- Căn cứ pháp lý.</p> <p>- Yêu cầu điều kiện</p> |

| | | | | | | |
|--|--|--|---|---|--|--|
| | | <p>kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo.</p> <p>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.</p> | <p>Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.</p> <p>- Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (một phần)</p> | <p>cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo thẩm dò có lưu lượng từ 500 đến dưới 1000 m³/ngày đêm: 2.000.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo thẩm dò có lưu lượng từ 1000 đến dưới 3000 m³/ngày đêm: 3.500.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được giảm 30% mức thu phí quy định từ khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.</p> | <p>số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị quyết 289/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> | |
|--|--|--|---|---|--|--|

| | | | | | | |
|---|--|---|---|---|--|--|
| 4 | <p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ ngày đêm. (1.004211.000.00.00.H56)</p> | <p>25 ngày làm việc đối với hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo: Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc. - Thời hạn trả giấy | <p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.</p> <p>- Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.ng.thanhhoa.gov.vn (một phần)</p> | <p>Phí thẩm định: Mức thu phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh bằng 50% mức cấp mới, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề án, báo cáo thiết kế giếng thăm dò có lưu lượng dưới 200 m³/ngày đêm: 150.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 200 đến dưới 500 m³/ngày đêm: 400.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 500 đến dưới 1000 m³/ngày đêm: 1.000.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 1000 đến dưới 3000 m³/ngày đêm: 1.750.000 đồng/báo cáo. | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012. - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh | <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ pháp lý. - Yêu cầu điều kiện |
|---|--|---|---|---|--|--|

| | | | | | | |
|---|--|--|---|--|--|--|
| | | <i>phép</i> : Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép. | | - Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được giảm 30% mức thu phí quy định từ khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023 | <i>trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</i> - Nghị quyết 289/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh. | |
| 5 | Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai | 30 ngày làm việc đối với hồ sơ hợp lệ, cụ thể: - <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ</i> : Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo</i> : Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có | Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh | Phí thẩm định: - Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1 m ³ /s; hoặc đề phát điện với công suất dưới 50 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500m ³ /ngày đêm: 500.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông | - Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012. - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Nghị định số 136/2018/NĐ- | - Căn cứ pháp lý; - Cơ quan có thẩm quyền (Sở TNMT/UBND tỉnh) |

| | | | | |
|---|--|---|--|--|
| <p>thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biên cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm</p> <p>(1.004179.000.00.00.H56)</p> | <p>trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo.</p> <p>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc</p> <p>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.</p> | <p>Thanh Hoá.</p> <p>- Địa chỉ trực tuyến: https://dichvuco.ng.thanhhoa.gov.vn (một phần)</p> | <p>nghiệp với lưu lượng từ 0,1 đến dưới 0,5 m³/s; hoặc để phát điện với công suất từ 50 đến dưới 200 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 đến dưới 3000 m³/ngày đêm: 1.500.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 đến dưới 1 m³/s; hoặc để phát điện với công suất từ 200 đến dưới 1000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3000 đến dưới 20.000m³/ngày đêm: 4.000.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông</p> | <p>CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị quyết 289/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh.</p> |
|---|--|---|--|--|

| | | | | | | |
|---|--|---|---|---|---|--|
| | | | | <p>nghiệp với lưu lượng từ 1 đến dưới 2 m³/s; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 đến dưới 50.000m³/ngày đêm: 6.000.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được giảm 30% mức thu phí quy định từ khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.</p> | | |
| 6 | <p>Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ</p> | <p>25 ngày làm việc đối với hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày</p> | <p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường</p> | <p>Phí thẩm định: Mức thu phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh bằng 50% mức mới, cụ thể:</p> <p>- Đề án, báo cáo khai</p> | <p>- Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ Quy</p> | <p>- Căn cứ pháp lý;</p> <p>- Yêu cầu điều kiện</p> <p>- Cơ quan</p> |

| | | | | | |
|--|---|--|--|---|--|
| <p>chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới $2\text{m}^3/\text{giây}$ và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m^3, hoặc lưu lượng khai thác từ $2\text{m}^3/\text{giây}$ trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m^3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới $5\text{ m}^3/\text{giây}$; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới $50.000\text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm; khai thác, sử dụng nước biên chợ mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới $1.000.000\text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm</p> <p>(1.004167.000.00.</p> | <p>nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- <i>Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo:</i> Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo.</p> <p>- <i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo</i> không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</p> <p>- <i>Thời hạn trả giấy phép:</i></p> <p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép</p> | <p>tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.</p> <p>- Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.ng.thanhhoa.gov.vn (một phần)</p> | <p>thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới $0,1\text{ m}^3/\text{s}$; hoặc để phát điện với công suất dưới 50 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới $500\text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm: 250.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ $0,1$ đến dưới $0,5\text{ m}^3/\text{s}$; hoặc để phát điện với công suất từ 50 đến dưới 200 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 đến dưới $3000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm: 750.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ</p> | <p>định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị quyết 289/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu,</p> | <p>có thẩm quyền (Sở TNMT/UBND tỉnh)</p> |
|--|---|--|--|---|--|

| | | | | | |
|---------|--------------------|--|---|---|--|
| 00.H56) | để nhận giấy phép. | | <p>0,5 đến dưới 1 m³/s; hoặc để phát điện với công suất từ 200 đến dưới 1000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3000 đến dưới 20.000m³/ngày đêm: 2.000.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 đến dưới 2 m³/s; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 đến dưới 50.000m³/ngày đêm: 3.000.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến</p> | miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh. | |
|---------|--------------------|--|---|---|--|

| | | | | | |
|---|---|--|--|--|--|
| | | | | mức độ 3, mức độ 4 được giảm 30% mức thu phí quy định từ khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. | |
| 7 | Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (1.004122.000.00.00.H56) | 15 ngày làm việc đối với hồ sơ hợp lệ, cụ thể: - Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ | Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá. Địa chỉ trực tuyến: https://dichvuco | Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất: 1.000.000 đồng/báo cáo. - Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được giảm 30% mức thu phí quy định từ khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. | - Luật tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Nghị định số 22/2023/NĐ- |

- Căn cứ pháp lý.
- Cách thức thực hiện
- Yêu cầu điều kiện

| | | | | | | |
|--|--|--|--------------------------------------|--|---|--|
| | | <p>ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định cấp phép; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.</p> <p>- <i>Quyết định cấp phép:</i></p> <p>+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, cơ quan có thẩm quyền quyết định cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.</p> <p>+ Trường hợp không chấp nhận cấp phép, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ</p> | <p>ng.thanhhoa.gov.vn (một phần)</p> | | <p><i>CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</i></p> <p>- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.</p> <p>- Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>- Nghị quyết 289/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu,</p> | |
|--|--|--|--------------------------------------|--|---|--|

| | | | | | | |
|---|--|--|---|---|---|--|
| | | <p>quan thụ lý hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép, trong đó nêu rõ lý do không cấp phép.</p> <p>- <i>Trả Giấy phép:</i> Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận giấy phép. Giấy phép đã cấp được giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép tại cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép hoặc được gửi qua đường bưu điện sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định.</p> | | | miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh | |
| 8 | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ | <p>10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <p>- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 03 ngày làm</p> | Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành | <p>- Phí thẩm định: 500.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4</p> | <p>- Luật tài nguyên nước năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-</p> | <p>Căn cứ pháp lý.</p> <p>- Cách thức thực hiện</p> <p>- Yêu cầu điều kiện</p> |

| | | | | |
|--------------------------|--|--|---|---|
| (2.001738.000.00.00.H56) | <p>việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định</p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i></p> <p>+ Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm</p> | <p>chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.</p> <p>Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (một phần)</p> | <p>được giảm 30% mức thu phí quy định từ khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.</p> | <p>CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.</p> |
|--------------------------|--|--|---|---|

| | | | | | | |
|--|--|---|--|--|---|--|
| | | <p>thẩm định hồ sơ và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định cấp phép; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.</p> <p>+ Trường hợp không chấp nhận cấp phép, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ quan thụ lý hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép, trong đó nêu rõ lý do không cấp phép.</p> <p>- <i>Quyết định cấp phép:</i> Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định cấp gia hạn,</p> | | | <p>- Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>- Nghị quyết 289/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh</p> | |
|--|--|---|--|--|---|--|

| | | | | | | |
|---|--|--|---|-----------------------|---|---|
| | | <p>điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.</p> <p><i>- Trả Giấy phép:</i> Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận giấy phép. Giấy phép đã cấp được giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép tại cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép hoặc được gửi qua đường bưu điện sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định.</p> | | | | |
| 9 | <p>Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi</p> | <p>30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phương án đạt yêu cầu, cụ thể: <i>- Thời hạn kiểm tra phương án:</i> Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phương án cấm mốc giới của tổ chức</p> | <p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh,</p> | <p>Không quy định</p> | <p>- Luật tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 43/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/5/2015 quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước. - Nghị định số 22/2023/NĐ-</p> | <p>- Căn cứ pháp lý; - Trình tự thực hiện - Thời gian các bước xử lý.</p> |

| | | | | | | |
|--|--------------------------|--|--|--|--|--|
| | (2.001850.000.00.00.H56) | <p>quản lý, vận hành hồ chứa, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra phương án.</p> <p>Trường hợp chưa đạt yêu cầu, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa để bổ sung, hoàn thiện.</p> <p><i>- Thời hạn thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan liên quan, phê duyệt phương án:</i></p> <p>Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày phương án đạt yêu cầu. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có hồ chứa, các cơ quan, đơn vị có liên quan; nếu cần thiết thì trình Ủy</p> | <p>Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.</p> <p>Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (một phần)</p> | | <p><i>CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</i></p> | |
|--|--------------------------|--|--|--|--|--|

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|
| | | <p>ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ hồ chứa.</p> <p><i>- Thời hạn trả kết quả:</i></p> <p>Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cấm mốc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo, trả kết quả cho tổ chức quản lý vận hành hồ chứa bằng hình thức trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường) hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến.</p> | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|